





FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159			
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
I. Phạm vi áp dụng: Áp dụng để hướng dẫn nhận dạng và xử lý khi tiếp xúc, làm việc với hóa chất:ThreeBond 1401B + ARS0159			
II. Nội dung:			
1. Nhận diện hóa chất và thông tin về nhà cung cấp (tên thương mại, Nhà sản xuất, địa chỉ nhà sản xuất, thông tin liên hệ...) Tên thương mại: ThreeBond 1401B Tên Công ty,địa chỉ và số điện thoại của nhà cung cấp. <div><div>Nhà cung cấp:</div><div>Công ty TNHH ThreeBond Fine Chemical</div><div>Địa chỉ :</div><div>1-1 Oyama-cho, Midori-ku, Sagamihara-shi, Kanagawa 252-0146 Japan</div><div>Số điện thoại khẩn cấp:</div><div>+81-42-703-7126 (nếu thắc mắc về nội dung SDS)</div><div>+81-42-670-5333 (nếu thắc mắc về sản phẩm hoặc khiếu nại SDS)</div></div>			
Khuyến nghị sử dụng và hạn chế sử dụng: Khuyến cáo sử dụng: Chất keo, chất bịt kín. Hạn chế sử dụng: <div>Đảm bảo xác nhận trước tính phù hợp và an toàn của việc sử dụng sản phẩm cho ứng dụng liên quan. Nếu dùng với phạm vi khác với những ứng dụng được đề xuất, vui lòng tìm kiếm đánh giá chuyên môn trước. Sản phẩm này dùng trong công nghiệp và việc sử dụng nó cho các thiết bị trong gia đình và y tế đều bị cấm.</div>			
2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất (Hình, logo nhận dạng, nhãn cảnh báo mối nguy hiểm của hóa chất)			
Phân loại hóa chất theo GHS			
Chất lỏng dễ cháy	Loại 2		
Độc tính cấp tính - Qua đường miệng	Loại 4		
Độc tính cấp tính - Qua da	Loại 4		
Độc tính cấp tính - Hít phải (Khí)	Không áp dụng phân loại		
Độc tính cấp tính - Hít phải (Hơi)	Không thể phân loại		
Độc tính cấp tính - Hít phải (Bụi/Sương)	Không thể phân loại		
Ăn mòn/kích ứng da	Không thể phân loại		
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Loại 2A		
Gây mẫn cảm hô hấp	Không thể phân loại		
Gây mẫn cảm da	Không thể phân loại		
Gây đột biến tế bào mầm	Không thể phân loại		
Tính gây ung thư	Loại 1B		
Độc tính sinh sản	Loại 1A		
Tác dụng lên hoặc qua quá trình tiết sữa	Không thể phân loại		
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể (phơi nhiễm đơn lẻ)	Loại 1		
Loại 1 Hệ thần kinh trung ương, cơ quan thị giác, độc tính toàn thân			
Loại 3 Tác dụng lên cơ quan đích: Kích ứng hô hấp, Tác dụng gây nghiện.			
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)	Loại 1		
Loại 1 Hệ thần kinh trung ương, cơ quan thị giác.			
Loại 2 Thận			
Nguy cơ hô hấp	Không thể phân loại		
Độc tính cấp tính đối với môi trường thủy sinh	Không thể phân loại		
Độc tính thủy sinh mãn tính	Không thể phân loại		
Ảnh hưởng tầng Ozone	Không thể phân loại		
Nhãn cảnh báo nguy hiểm <div></div>			
Tín hiệu cảnh báo:	Nguy hiểm		


FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159

Số: 000-4-WI-0701

Phiên bản: 01

Trang: 1/1



Báo cáo nguy hiểm

H225 - Chất lỏng và hơi dễ cháy

H302 - Có hại nếu nuốt phải

H312 - Có hại khi tiếp xúc với da

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

H350 - Có thể gây ung thư

H360 - Có thể gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi

H370 - Gây tổn thương các cơ quan

H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp

H336 - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

H372 - Gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại

Gây tổn thương các cơ quan sau: Hệ thần kinh trung ương, cơ quan thị giác, độc tính toàn thân.

Gây tổn thương các cơ quan sau khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại: Hệ thần kinh trung ương, cơ quan thị giác.

Có thể gây tổn thương các cơ quan sau khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại: thận.

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

• Không xử lý cho đến khi bạn đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn

• Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt

• Rửa kỹ mặt, tay và mọi vùng da tiếp xúc sau khi xử lý

• Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này

• Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi nước

• Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt

• Thùng chứa mặt đất và thiết bị tiếp nhận

• Sử dụng dụng cụ không phát ra tia lửa

• Thực hiện hành động để ngăn chặn hiện tượng phóng tĩnh điện

• Để xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Không hút thuốc

• Giữ kín thùng chứa

• Giữ mát

• Nhận hướng dẫn đặc biệt hoặc bằng dữ liệu kỹ thuật trước khi sử dụng

• Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/chống cháy nổ

Phản ứng:

• NẾU bị phơi nhiễm hoặc có lo ngại: Gọi tư vấn/chăm sóc y tế

• NẾU bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Hãy gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ

• Biện pháp xử lý cụ thể (xem phần 4 của SDS này)

Sơ cứu :

• NẾU ĐÍNH MẮT: Bỏ kính áp tròng (nếu có) , rửa sạch bằng nước trong vài phút.

• NẾU NUỐT PHẢI, súc miệng

• NẾU ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng

• Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước [hoặc tắm]

• NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và giữ cho họ dễ thở

• Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe

Xử lý :

• Khi cháy: Dùng cát khô, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập lửa

• Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ kín thùng chứa

• Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa cho nhà máy xử lý chất thải đã được phê duyệt

Các mối nguy hiểm khác

Gây kích ứng da nhẹ

3. Thông tin về thành phần các chất

(các thông tin về thành phần hóa chất: đơn chất/hợp chất)

Phân biệt hóa chất và hỗn hợp:

Chất hỗn hợp				
Tên hóa học	CAS No	ENCS No	ISHL No	Khối lượng - %
Vinyl acetate	108-05-4	(2)-728	(2)-728	0.1 - <1
Toluene	108-88-3	(3)-2,(3)-60	2-(8)-869	1.4
Methyl alcohol	67-56-1	(2)-201	(2)-201	65 - <75
Modified vinyl acetate resin	-			25 - <35

Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp


Các chất phải khai báo của ISHL


Điều 57-2 của ISHL, Điều 18-2, Mục 1, Mục 2, Bảng 9 và Mục 3, Bảng 3 của Lệnh Thi hành


Tên hóa học	CAS No	Danh mục	Số pháp lệnh
Vinyl acetate	108-05-4	Các chất phải khai báo của ISHL	Đính kèm bảng 9-180
Toluene	108-88-3	Các chất phải khai báo của ISHL	Đính kèm bảng 9-407
Methyl alcohol	67-56-1	Các chất phải khai báo của ISHL	Đính kèm bảng 9-560


2


Confidential FOV 's property, do not take out without FOV BOM's approval


FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159			
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
Các chất có hại phải được ghi tên trên nhãn			
Điều 57 của ISHL, Điều 18, Mục 1, Mục 2, Bảng 9 và Mục 3, Bảng 3 của Lệnh Thi hành			
Tên hóa học	CAS No	Danh mục	Số pháp lệnh
Toluene	108-88-3	Các chất có hại phải được ghi trên nhãn	Đính kèm bảng 9-407
Methyl alcohol	67-56-1	Các chất có hại phải được ghi trên nhãn	Đính kèm bảng 9-560
Luật kiểm soát các chất độc hại và có hại		Không áp dụng	
4. Biện pháp sơ cứu			
(các yêu cầu thao tác khi gặp sự cố hóa chất)			
Các biện pháp sơ cứu cần thiết:			
Lời khuyên chung			
Đưa băng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ có mặt. NẾU bị phơi nhiễm hoặc có quan ngại: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Chăm sóc y tế ngay lập tức khi được yêu cầu.			
Nếu hít phải: Đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành			
NẾU bị phơi nhiễm hoặc có lo ngại: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu dừng thở, hô hấp nhân tạo & yêu cầu sự chăm sóc y tế ngay lập tức.			
Không sử dụng phương pháp truyền miệng nếu nạn nhân nuốt phải hoặc hít chất này; hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của mặt nạ bỏ túi được trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp thích hợp khác. Nếu khó thở, cung cấp oxy bởi nhân viên được đào tạo.			
Nếu tiếp xúc da:		Rửa sạch ngay bằng xà phòng và nhiều nước đồng thời loại bỏ tất cả vật dụng bị ô nhiễm (quần áo , giày dép) .	
		Nếu triệu chứng không giảm, hãy gọi bác sĩ.	
Nếu tiếp xúc với mắt:			
		Rửa sạch ngay với nhiều nước, cả dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút , bỏ kính áp tròng, nếu có. Giữ mắt mở to trong khi rửa. Không chà xát khu vực bị ảnh hưởng. Nếu triệu chứng không giảm, hãy gọi bác sĩ.	
Nếu nuốt phải:			
		KHÔNG gây nôn. Súc sạch miệng bằng nước và uống nhiều nước sau đó.	
		Không cho bất cứ vật gì vào miệng của một người đã bất tỉnh. Gọi bác sĩ hoặc cơ quan kiểm soát chất độc ngay lập tức.	
Các triệu chứng/ảnh hưởng cấp tính			
Có thể gây đỏ mắt và chảy nước mắt. Cảm giác bỏng rát. Ho và/hoặc thở khô khè. Khó thở.			
Tự bảo vệ cho người sơ cấp cứu			
Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy. Đảm bảo rằng nhân viên y tế biết về (các) tài liệu tham gia, hãy thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân và ngăn chặn sự lây lan của ô nhiễm. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Xem phần 8 để biết thêm thông tin. Tránh xa tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không sử dụng phương pháp truyền miệng nếu nạn nhân nuốt phải hoặc hít chất này; hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của mặt nạ bỏ túi được trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp thích hợp khác. Đừng hít phải hơi hoặc sương mù.			
Lưu ý cho Bác sĩ:		Điều trị theo triệu chứng	
5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn			
(các yêu cầu thao tác khi gặp sự cố hỏa hoạn)			
Phương tiện chữa cháy thích hợp Hóa chất khô. Cacbon dioxit (CO2). Phun nước. Bọt kháng cồn.			
Phương tiện chữa cháy không phù hợp Không làm vật liệu tràn bằng dòng nước áp suất cao.			
Mối nguy hiểm phát sinh từ hóa chất			
		Nguy cơ bốc cháy. Giữ sản phẩm và hộp đựng tránh xa nguồn nhiệt và nguồn gây cháy.	
		Chất thải cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm phải được xử lý theo quy định của địa phương. Trong trường hợp hỏa hoạn, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.	
Sản phẩm cháy phát sinh nguy hiểm		Cacbon monoxit. Cacbon dioxit (CO2).	
Đặc tính dễ cháy		DỄ CHÁY CAO: Sẽ dễ dàng bắt lửa bởi nhiệt, tia lửa hoặc ngọn lửa. Thùng chứa có thể nổ khi đun nóng. Có nhiều chất lỏng nhẹ hơn nước.	
Phương tiện chữa cháy đặc biệt		Thùng mát có vòi phun nước	
Bảo vệ lính cứu hỏa:		Lính cứu hỏa phải đeo thiết bị thở khép kín và có đầy đủ phụ kiện chữa cháy	
		Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân.	
Thông tin khác:		THẬN TRỌNG: Việc sử dụng bình xịt nước khi chữa cháy có thể không hiệu quả.	
6. Biện pháp phòng ngừa khi có sự cố			
Quy trình cho biện pháp phòng ngừa cá nhân, bảo vệ thiết bị và trường hợp khẩn cấp			
Sơ tán nhân viên đến các khu vực an toàn. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Xem phần 8 để biết thêm thông tin.			
Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Đảm bảo đủ thông gió. Giữ mọi người tránh xa và ngược gió nơi tràn/rò rỉ.			
LOẠI BỎ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, đốt pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa ở khu vực gần đó).			
Phòng ngừa chống phóng tĩnh điện. Tắt cả các thiết bị được sử dụng sản phẩm phải được nối đất. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Đừng hít hơi nước hoặc sương .			
Ứng phó khẩn cấp		Sử dụng biện pháp bảo vệ cá nhân được khuyến nghị trong Phần 8.	
Các biện pháp phòng ngừa về môi trường			
Tham khảo các biện pháp bảo vệ được liệt kê trong Phần 7 và 8. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn để làm như vậy.			
Ngăn chặn sản phẩm chảy vào cống.			








FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.																												
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159																												
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1																										
<p>Các phương pháp ngăn chặn</p> <p>Ngăn chặn rò rỉ nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Tránh xa công rãnh, cống rãnh, mương và đường thủy. Hấp thụ bằng đất, cát hoặc vật liệu không cháy và chuyển vào thùng chứa để xử lý sau.</p> <p>Các phương pháp làm sạch</p> <p>Thực hiện các biện pháp phòng chống phóng tĩnh điện.Ngâm với chất trơ, vật liệu hấp thụ. Nhận và chuyển vào các thùng chứa được dán nhãn thích hợp.</p> <p>Ngăn ngừa các mối nguy hiểm thứ cấp</p> <p>Làm sạch các đồ vật và khu vực bị ô nhiễm , tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường.</p> <p>Thông tin khác</p> <p>Thông gió cho khu vực. Tham khảo các biện pháp bảo vệ được liệt kê trong Phần 7 và 8.</p> <p>7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản</p> <p>(các yêu cầu về cất giữ, vận chuyển, bảo quản tại kho hoặc nơi sử dụng)</p> <p>Sử dụng: Thực hiện các biện pháp sử dụng thiết bị được liệt kê trong Phần 8. Mặc đồ bảo hộ. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân. Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy. Không hút thuốc. Sử dụng kết nối nối đất và liên kết khi truyền tải vật liệu ngăn chặn hiện tượng phóng tĩnh điện, cháy nổ. Sử dụng các công cụ chống tia lửa và thiết bị chống cháy nổ. Giữ trong khu vực được trang bị vòi phun nước. Sử dụng theo hướng dẫn đóng gói. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Đừng hít hơi nước hoặc sương mù. Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Chỉ xử lý sản phẩm trong hệ thống khép kín hoặc cung cấp hệ thống thông gió thoát khí thích hợp. Cởi quần áo bị nhiễm bẩn và giặt trước khi tái sử dụng</p> <p>Các biện pháp vệ sinh</p> <p>Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không nên đem rời khỏi nơi làm việc. Thường xuyên vệ sinh thiết bị, khu vực làm việc và quần áo Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi xử lý sản phẩm. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Đeo găng tay thích hợp và bảo vệ mắt/mặt. Không hít thở hơi hoặc sương mù. Cởi bỏ và giặt quần áo và găng tay bị nhiễm bẩn, kể cả bên trong trước khi tái sử dụng.</p> <p>Bảo quản: Giữ thùng chứa đóng kín ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa và các nguồn gây cháy khác (như đèn báo, động cơ điện và tĩnh điện). Giữ trong các thùng chứa được dán nhãn thích hợp. Không lưu trữ gần các vật liệu dễ cháy. Giữ trong một khu vực được trang bị vòi phun nước. Lưu trữ theo quy định cụ thể của quốc gia. Tránh xa tầm tay trẻ em.</p> <p>8. Kiểm soát phơi nhiễm/ Yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân</p> <p>(các yêu cầu về bảo hộ lao động)</p> <p>Hướng dẫn về phơi nhiễm</p> <table><tr><th>Tên hóa học</th><th>Hiệp hội Nhật Bản về Sức khỏe nghề nghiệp</th><th>Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường làm việc ISHL</th><th>ACGIH TLV</th></tr><tr><td>Vinyl acetate 108-05-4</td><td>-</td><td>-</td><td>STEL: 15 ppm TWA: 10 ppm</td></tr><tr><td>Toluene 108-88-3</td><td>TWA: 50 ppm TWA: 188 mg/m 3 S*</td><td>20 ppm</td><td>Chất độc- có khả năng gây ra rối loạn thính giác TWA: 20 ppm</td></tr><tr><td>Methyl alcohol 67-56-1</td><td>TWA: 200 ppm TWA: 260 mg/m 3 S*</td><td>200 ppm</td><td>STEL: 250 ppm TWA: 200 ppm S*</td></tr></table> <p>Giới hạn phơi nhiễm sinh học nghề nghiệp</p> <table><tr><th>Tên hóa học</th><th>Hiệp hội Nhật Bản về Sức khỏe nghề nghiệp</th><th>ACGIH</th></tr><tr><td>Toluene 108-88-3</td><td>0,6 mg/L - máu (Toluene) - trong vòng 2 giờ trước khi kết thúc ca vào cuối tuần làm việc 0,06 mg/L - nước tiểu (Toluene) - trong vòng 2 giờ trước khi kết thúc ca vào cuối tuần làm việc</td><td>0,02 mg/L - máu (Toluene) - trước ca cuối cùng của tuần làm việc 0,03 mg/L - nước tiểu (Toluene) - kết thúc ca 0,3 mg/g creatinine - nước tiểu (o-Cresol với quá trình thủy phân) - kết thúc ca</td></tr><tr><td>Methyl alcohol 67-56-1</td><td>20 mg/L - nước tiểu (Methanol) - kết thúc ca</td><td>15 mg/L - nước tiểu (Methanol) - kết thúc ca</td></tr></table> <p>Kiểm soát kỹ thuật Vòi hoa sen Trạm rửa mắt Hệ thống thông gió.</p> <p>Kiểm soát môi trường phơi nhiễm Lắp đặt vòi sen an toàn, bồn rửa tay và trạm rửa mắt & chỉ rõ vị trí. Lắp đặt thông gió cục bộ hoặc bịt kín nguồn hóa chất.</p>				Tên hóa học	Hiệp hội Nhật Bản về Sức khỏe nghề nghiệp	Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường làm việc ISHL	ACGIH TLV	Vinyl acetate 108-05-4	-	-	STEL: 15 ppm TWA: 10 ppm	Toluene 108-88-3	TWA: 50 ppm TWA: 188 mg/m 3 S*	20 ppm	Chất độc- có khả năng gây ra rối loạn thính giác TWA: 20 ppm	Methyl alcohol 67-56-1	TWA: 200 ppm TWA: 260 mg/m 3 S*	200 ppm	STEL: 250 ppm TWA: 200 ppm S*	Tên hóa học	Hiệp hội Nhật Bản về Sức khỏe nghề nghiệp	ACGIH	Toluene 108-88-3	0,6 mg/L - máu (Toluene) - trong vòng 2 giờ trước khi kết thúc ca vào cuối tuần làm việc 0,06 mg/L - nước tiểu (Toluene) - trong vòng 2 giờ trước khi kết thúc ca vào cuối tuần làm việc	0,02 mg/L - máu (Toluene) - trước ca cuối cùng của tuần làm việc 0,03 mg/L - nước tiểu (Toluene) - kết thúc ca 0,3 mg/g creatinine - nước tiểu (o-Cresol với quá trình thủy phân) - kết thúc ca	Methyl alcohol 67-56-1	20 mg/L - nước tiểu (Methanol) - kết thúc ca	15 mg/L - nước tiểu (Methanol) - kết thúc ca
Tên hóa học	Hiệp hội Nhật Bản về Sức khỏe nghề nghiệp	Tiêu chuẩn đánh giá về môi trường làm việc ISHL	ACGIH TLV																									
Vinyl acetate 108-05-4	-	-	STEL: 15 ppm TWA: 10 ppm																									
Toluene 108-88-3	TWA: 50 ppm TWA: 188 mg/m 3 S*	20 ppm	Chất độc- có khả năng gây ra rối loạn thính giác TWA: 20 ppm																									
Methyl alcohol 67-56-1	TWA: 200 ppm TWA: 260 mg/m 3 S*	200 ppm	STEL: 250 ppm TWA: 200 ppm S*																									
Tên hóa học	Hiệp hội Nhật Bản về Sức khỏe nghề nghiệp	ACGIH																										
Toluene 108-88-3	0,6 mg/L - máu (Toluene) - trong vòng 2 giờ trước khi kết thúc ca vào cuối tuần làm việc 0,06 mg/L - nước tiểu (Toluene) - trong vòng 2 giờ trước khi kết thúc ca vào cuối tuần làm việc	0,02 mg/L - máu (Toluene) - trước ca cuối cùng của tuần làm việc 0,03 mg/L - nước tiểu (Toluene) - kết thúc ca 0,3 mg/g creatinine - nước tiểu (o-Cresol với quá trình thủy phân) - kết thúc ca																										
Methyl alcohol 67-56-1	20 mg/L - nước tiểu (Methanol) - kết thúc ca	15 mg/L - nước tiểu (Methanol) - kết thúc ca																										

FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159			
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
Thiết bị bảo vệ cá nhân Bảo vệ hô hấp			

FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.				
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159				
Số: 000-4-WI-0701		Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
Tên hóa học	Đường miệng LD50	Da LD50	Hơi thở LC50	
Vinyl acetate	= 2900 mg/kg (chuột)	= 2335 mg/kg (thỏ)	= 3680 ppm (chuột) 4 h	
Toluene	= 2600 mg/kg (chuột)	= 12000 mg/kg (thỏ)	= 12.5 mg/l (chuột) 4 h	
Methyl alcohol	= 6200 mg/kg (chuột)	= 15840 mg/kg (thỏ)	= 22500 ppm (chuột) 8 h	
Triệu chứng	Có thể gây đỏ mắt và chảy nước mắt. Ho và/hoặc thở khó khè. Khó khăn trong việc thở.			
Thông tin sản phẩm:				
Nuốt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể. Ăn phải có thể gây ra kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn, nôn và tiêu chảy. Có hại nếu nuốt phải. (dựa trên các thành phần).			
Hít phải	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Độc hại khi hít phải. (dựa trên thành phần).			
Tiếp xúc da	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể. Có thể gây kích ứng. Tiếp xúc kéo dài có thể gây mẩn đỏ và kích ứng. Có hại khi tiếp xúc với da. (dựa trên thành phần). Gây ra kích ứng da nhẹ .			
Tiếp xúc mắt	Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng (dựa trên thành phần). Có thể gây mẩn đỏ, ngứa và đau.			
Ăn mòn da,kích ứng da.	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng. Không thể phân loại			
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Phân loại dựa trên dữ liệu có sẵn cho các thành phần. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.			
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da	Không thể phân loại			
Khả năng gây đột biến	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng. Không thể phân loại			
Tính gây ung thư	Chứa chất gây ung thư đã biết hoặc nghi ngờ. Phân loại dựa trên dữ liệu có sẵn thành phần. Có thể gây ung thư.			
Bảng dưới đây liệt kê các thành phần nào là chất gây ung thư				
Tên hóa học	Nhật Bản	IARC		
Vinyl acetate	1B	Nhóm 2B		
Toluene	-	Nhóm 3		
Ghi chú:				
IARC (Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế)				
Nhóm 2B - Có thể gây ung thư cho con người				
Nhóm 3 - Không thể phân loại về khả năng gây ung thư ở người				
Độc tính sinh sản	Chứa chất độc sinh sản đã biết hoặc nghi ngờ. Phân loại dựa trên dữ liệu có sẵn cho các thành phần. Có thể gây tổn hại đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.			
Ảnh hưởng nội tạng	Hệ thống thần kinh trung ương. Mắt. Đường tiêu hóa thận. gan. Hệ hô hấp.Da.			
STOT- Phơi nhiễm đơn lẻ	Dựa trên các tiêu chí phân loại của Hệ thống hài hòa toàn cầu được thông qua trong Hiệp định quốc gia hoặc khu vực mà bảng dữ liệu an toàn này tuân thủ thì sản phẩm này đã được được xác định là gây độc tính toàn thân cho nội tạng do phơi nhiễm cấp tính. (STOT SE). Gây tổn thương các cơ quan nếu nuốt phải. Gây tổn thương các cơ quan tiếp xúc với da. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.			
Gây tổn thương các cơ quan sau: Hệ thần kinh trung ương, cơ quan thị giác, độc tính toàn thân.				
STOT- Phơi nhiễm lặp lại	Gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Gây tổn thương các cơ quan sau khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại: Hệ thần kinh trung ương, cơ quan thị giác. Có thể gây tổn thương các cơ quan sau khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại: thận.			
Nguy hiểm hít phải	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng. Không thể phân loại được.			

FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159			
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
12.Thông tin tác động môi trường (các yếu tố gây hại đến hệ sinh thái trên cạn, dưới nước, môi trường đất...) Hệ sinh thái Không thể phân loại			
Tên hóa học	Tảo/thực vật thủy sinh	Cá	Giáp xác
Vinyl acetate	-	LC50: =14mg/L (96h, cá tuế đỏ) LC50: 15.04 - 21.54mg/L (96h, cá mang xanh) LC50: 26.1 - 36.63mg/L (96h, cá bảy màu)	-
Toluene	EC50: >433mg/L (96h, Pseudokirchneriella subcapitata) EC50: =12.5mg/L (72h, Pseudokirchneriella subcapitata)	LC50: 15.22 - 19.05mg/L (96h, cá tuế đỏ) LC50: =12.6mg/L (96h, cá tuế đỏ) LC50: 5.89 - 7.81mg/L (96h, cá hồi vân) LC50: 14.1 - 17.16mg/L (96h, cá hồi vân) LC50: =5.8mg/L (96h, cá hồi vân) LC50: 11.0 - 15.0mg/L (96h, cá mang xanh) LC50: =54mg/L (96h, cá sóc) LC50: =28.2mg/L (96h, cá bảy màu) LC50: 50.87 - 70.34mg/L (96h, cá bảy màu)	EC50: 5.46 - 9.83mg/L (48h, Daphnia magna) EC50: =11.5mg/L (48h, Daphnia magna)
Methyl alcohol	-	LC50: =28200mg/L (96h, cá tuế đỏ) LC50: >100mg/L (96h, cá tuế đỏ) LC50: 19500 - 20700mg/L (96h, cá hồi vân) LC50: 18 - 20mL/L (96h, cá hồi vân) LC50: 13500 - 17600mg/L (96h, cá mang xanh)	-
Tỷ lệ phần trăm của các mối nguy hiểm chưa biết		0 % (các) thành phần có mối nguy hiểm chưa biết đối với môi trường thủy sinh	
Tính bền vững và khả năng phân hủy		Không có thông tin có sẵn.	
Tính tích lũy sinh học			
Tên hóa học	Hệ số phân chia		
Vinyl acetate	0.73		
Toluene	2.73		
Methyl alcohol	-0.77		
Tính di động			
Tính di động trong đất		Không có thông tin có sẵn.	
Nguy hiểm tới tầng ozon		Không thể phân loại được. Dựa trên dữ liệu có sẵn, tiêu chí phân loại không được đáp ứng	
Các ảnh hưởng khác		Không có thông tin có sẵn.	
13. Yêu cầu trong việc thải bỏ (các yêu cầu về việc thải bỏ hóa chất) Chất thải cận/ sản phẩm không sử dụng Vứt bỏ theo quy định của quốc gia và địa phương. Cần tư vấn của công ty quản lý chất thải. Không thải sản phẩm này ra môi trường tự nhiên hoặc tái sử dụng .			
Thùng chứa chất thải		Vứt bỏ các thùng chứa giống như phần còn lại của sản phẩm này.	
14. Thông tin khi vận chuyển (các yêu cầu đối với vận chuyển) IMDG			
Số UN hoặc số ID		UN1133	
Tên vận chuyển thích hợp theo UN		Chất kết dính	
Miêu tả		UN1133, Adhesives, 3, II, (9°C c.c.)	
Phân loại vận chuyển nguy hiểm		3	
Nhóm đóng gói		II	
Ô nhiễm biển		NP	
EmS-No		F-E, S-D	
ADR			
Số UN hoặc số ID		1133	
Tên vận chuyển thích hợp theo UN		Chất kết dính	
Miêu tả		1133, Adhesives, 3, II, (D/E)	
Phân loại vận chuyển nguy hiểm		3	
Nhóm đóng gói		II	
Mã ERG		3L	
Quy định đặc biệt		640C	

FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159			
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
IATA			
Số UN hoặc số ID	UN1133		
Tên vận chuyển thích hợp theo UN	Chất kết dính		
Miêu tả	UN1133, Adhesives, 3, II		
Phân loại vận chuyển nguy hiểm	3		
Nhóm đóng gói	II		
Quy định đặc biệt	A3		
Nhật Bản			
Số UN hoặc số ID	UN1133		
Tên vận chuyển thích hợp theo UN	Chất kết dính		
Miêu tả	UN1133, Adhesives, 3, II		
Phân loại vận chuyển nguy hiểm	3		
Nhóm đóng gói	II		
15. Thông tin về pháp luật			
Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất			
Quy định quốc gia			
Cho đến ngày 31 tháng 3 năm 2023 , Đăng ký phát thải và chuyển giao chất ô nhiễm (PRTR)			
Áp dụng Xem phần 3 để biết thêm thông tin			
Sau ngày 1 tháng 4 năm 2023 , Đăng ký phát thải và chuyển giao chất ô nhiễm (PRTR)			
Áp dụng Xem phần 3 để biết thêm thông tin			
Đạo luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp.			
Các chất có hại yêu cầu người lao động phải kiểm tra y tế			
Khám sức khỏe - Luật An toàn, vệ sinh lao động Điều 66, Lệnh cưỡng chế điều 22 và Pháp lệnh về Phòng ngừa mối nguy hiểm do các chất hóa học cụ thể, Bảng 5			
Pháp lệnh phòng chống ngộ độc dung môi hữu cơ			
Dung môi hữu cơ loại 2 - Lệnh thi hành Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp Bảng 6-2 (liên quan đến điều 6, điều 21, điều 22 và Pháp lệnh phòng chống ngộ độc dung môi hữu cơ)			
Các chất có hại phải được ghi tên trên nhãn			
Điều 57 của ISHL, Điều 18, Mục 1, Mục 2, Bảng 9 và Mục 3, Bảng 3 của Lệnh Thi hành			
Các chất phải khai báo của ISHL			
Điều 57-2 của ISHL, Điều 18-2, Mục 1, Mục 2, Bảng 9 và Mục 3, Bảng 3 của Lệnh Thi hành			
Chất hóa học gây đột biến mạnh			
Các chất hóa học mới có khả năng gây đột biến được công nhận (Điều 57-3, Đoạn 1 của Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp).			
Luật kiểm soát các chất độc hại và có hại	Không áp dụng		
Luật kiểm soát chất nổ	Không áp dụng		
Đạo luật an toàn khí áp suất cao	Không áp dụng		
Luật phòng chống cháy			
Chất lỏng dễ cháy, nhóm 4, xăng dầu loại 1, không tan trong nước, nguy hiểm cấp II, 200 lít			
Đạo luật về đánh giá các chất hóa học và quy định sản xuất chúng, v.v. (CSCL)			
Bảng dưới đây cho biết các thành phần trên ngưỡng giới hạn được coi là có liên quan được liệt kê			
Tên hóa học	CAS No	Luật kiểm soát chất hóa học	
Toluene	108-88-3	Ưu tiên đánh giá chất hóa học	
Methyl alcohol	67-56-1	Ưu tiên đánh giá chất hóa học	
Đạo luật An toàn Tàu biển (Vận tải Hàng hải)	Xem phần 14 để biết thêm thông tin		
Đạo luật Hàng không Dân dụng	Xem phần 14 để biết thêm thông tin		
Luật về Luật quản lý cảng	Xem phần 14 để biết thêm thông tin		
16. Các thông tin khác			
Ngày phát hành : 24-08-2021			
Ngày sửa đổi : 08-02-2023			
Từ khóa hoặc chú giải cho các từ viết tắt được sử dụng trong bảng dữ liệu an toàn			
Chú giải Phần 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN			
TWA	TWA (trung bình theo thời gian)	Mức trần	Giá trị giới hạn tối đa
*	Chỉ định trên da	+	Chất nhạy cảm
Tài liệu tham khảo chính và nguồn dữ liệu được sử dụng để biên soạn SDS			
JIS Z 7252:2019 Phân loại hóa chất dựa trên "Hệ thống phân loại và ghi nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu (GHS)".			
JIS Z 7253:2019 Thông báo về mối nguy hiểm của hóa chất dựa trên Bảng dữ liệu an toàn và ghi nhãn GHS (SDS)			

FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM LTD.			
PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT_ThreeBond 1401B + ARS0159			
Số: 000-4-WI-0701	Phiên bản: 01	Trang: 1/1	
<p>Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm</p> <p>SDS này tuân thủ các yêu cầu của JIS Z 7252:2019 và JIS Z 7253:2019 (Nhật Bản). Thông tin được cung cấp trong SDS này là thông tin chính xác & tốt nhất theo hiểu biết của chúng tôi tính theo ngày xuất bản. Thông tin được đưa ra chỉ được thiết kế như một hướng dẫn để xử lý, sử dụng, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và giải phóng an toàn và không được coi là một đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể được chỉ định và có thể không hợp lệ đối với vật liệu được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được quy định cụ thể trong văn bản.</p>			
<p>17. Mẫu nhãn</p> <p>Nhãn này được sử dụng trong trường hợp hóa chất được sang chiết chứa đựng trong bao bì, vật chứa không phải là bao bì vật chứa gốc</p>			
<div><p>Mẫu nhãn đầy đủ</p><p>ARS0159_ThreeBond 1401B</p><p>Công ty TNHH ThreeBond Fine Chemical _Japan</p><div></div><p>Nguy hiểm: Chất lỏng dễ cháy. Có thể gây kích ứng mắt nghiêm trọng, kích ứng đường hô hấp Có hại nếu nuốt phải</p><p>NSX:..... HSD:.....</p><p>Tham khảo Phiếu An toàn hóa chất để biết thông tin đầy đủ</p></div>		<div><p>Mẫu nhãn rút gọn</p><p>ARS0159_ThreeBond 1401B</p><p>Công ty TNHH ThreeBond Fine Chemical _Japan</p><div></div><p>NSX:..... HSD:.....</p><p>Tham khảo Phiếu An toàn hóa chất để biết thông tin đầy đủ</p></div>	

LỊCH SỬ THAY ĐỔI						
Ngày	Phiên bản	Người phụ trách.	Nội dung cũ	Nội dung mới	Lí do thay đổi	Người yêu cầu
29-Aug-24	1	Nam HA -10536		Ban hành lần 1	Ban hành mới	Trung DN